

Bản án số: 1641/2026/DS-PT

Ngày: 26-8-2026.

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

Các Thẩm phán:

1. Bà Lê Ngọc Nga.
2. Ông Tôn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hương-Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quang Vinh – Kiểm sát viên

Trong các ngày 17 tháng 8 và ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1135/2026/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc “Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ”. Do Bản án số 106/2026/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4831/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 12979/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương Hiền V, sinh năm 1965;

Thường trú: Số C C, Phường A, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số A P, Phường G, quận P (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Trịnh Quốc L là Luật sư thuộc Công ty L2 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số A P, Phường G, quận P (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty L3

Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà B, số B H, phường B, Quận A (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thanh L1, bà Huỳnh Ngọc Y, địa chỉ liên lạc: Căn hộ VP.02.44, Tòa nhà Everrich Infinity, số B A, Phường D, Quận E (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/02/2025), (Ông L1 vắng mặt, bà Y có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung được tóm tắt như sau, tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/9/2016, nguyên đơn và Công ty L3 (gọi tắt là Công ty) đã ký với nhau Biên bản ghi nhớ số 20160928-BBGN. Theo thỏa thuận ở biên bản ghi nhớ thì trong vòng mười lăm ngày làm việc Công ty có nghĩa vụ cung cấp cho nguyên đơn kết quả đánh giá khả năng đạt điều kiện của nguyên đơn đối với chương trình định cư Mỹ EB-5, nguyên đơn đã thanh toán đủ 111.700.000 đồng phí tư vấn cho Công ty theo yêu cầu tại Biên bản ghi nhớ số 20160928-BBGN. Sau khi nhận được kết quả thẩm định từ Công ty, đánh giá nguyên đơn đủ khả năng đạt điều kiện cho chương trình định cư M, nguyên đơn đã quyết định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn của Công ty L3 để tiến hành hồ sơ định cư. Theo thỏa thuận giữa 02 bên, khoản tiền 111.700.000 đồng - phí tư vấn theo Biên bản ghi nhớ số 20160928-BBGN sẽ được căn trừ vào phí dịch vụ khi hai bên ký hợp đồng dịch vụ.

Ngày 10/10/2016, nguyên đơn và Công ty đã ký kết Hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HĐDV. Nội dung hợp đồng, Công ty có nghĩa vụ tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lý cho nguyên đơn trong chương trình EB-5 với mục đích giúp nguyên đơn đạt được quyền đầu tư và cư trú tại Hoa Kỳ. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HĐDV nguyên đơn đã tiến hành thanh toán cho Công ty số tiền phí dịch vụ tổng cộng là 619.935.000 đồng.

Ngoài ra, để thực hiện các thủ tục trên theo hướng dẫn của Công ty, nguyên đơn còn phải đóng thêm 12.881.286.325 đồng (tương đương với 576.215 USD), đây là tiền ký quỹ cho khoản tiền đầu tư và các khoản phí khác liên quan tới Dự án EB-5 Lake Point giai đoạn II. Trong đó, Công ty đã chuyển vào tài khoản của Dự án EB-5 khoản tiền đầu tư 11.177.500.000 đồng (tương đương với 500.000 USD); đóng các khoản phí khác như phí nộp đơn, hồi phiếu, phí thị thực, phí dành cho người nhập cư, phí ngân hàng hết 362.486.325 đồng (tương đương với 16.215 USD); riêng với khoản phí quản lý dự án 1.341.300.000 đồng (tương đương với 60.000 USD) Công ty giữ lại trong tài

khoản phong tỏa tại Hong Kong của Công ty đến khi nào nguyên đơn nhận được chấp thuận của Sở Di trú và Nhập tịch H thì mới tiến hành chuyển cho Dự án.

Ngày 03/02/2023, Sở D2 (“USCIS”) đã gửi Quyết định từ chối hồ sơ nhập cư của nguyên đơn. Ngày 23/02/2023, nguyên đơn đã nộp đơn khiếu nại Quyết định trên của USCIS. Tuy nhiên đến ngày 14/5/2024 nguyên đơn nhận được thông tin Dự án EB-5 Lake Point giai đoạn II đã được bán cho đơn vị khác do đó các nhà đầu tư không thể tiếp tục thực hiện việc đầu tư, đồng nghĩa với việc hồ sơ xin thường trú nhân tại Hoa Kỳ thông qua đầu tư vào dự án EB-5 Lake Point giai đoạn II của nguyên đơn không thể thực hiện, chính vì vậy nguyên đơn đã đề nghị Công ty tiến hành làm việc và thanh lý Hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HDDV.

Đối chiếu theo quy định tại Điều 5.5 và quy định tại Điều 7.5, 7.6 Hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HDDV, nguyên đơn đã gửi thông báo đề nghị Công ty thực hiện nghĩa vụ thu hồi khoản tiền đầu tư, tiến hành thanh lý hoàn trả lại cho nguyên đơn khoản thù lao dịch vụ mà nguyên đơn đã thanh toán cũng như phí quản lý Dự án EB-5 Lake Point giai đoạn II mà Công ty đang giữ của nguyên đơn.

Tuy nhiên, cho tới thời điểm hiện tại đã 21 tháng kể từ ngày Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ từ chối hồ sơ của nguyên đơn, Công ty vẫn không thực hiện việc thanh lý, hoàn trả lại cho nguyên đơn khoản thù lao dịch vụ mà nguyên đơn đã thanh toán, cũng như phí quản lý Dự án EB-5 Lake Point giai đoạn II mà Công ty L3 đang giữ của nguyên đơn, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu phía Công ty phản hồi và xử lý vụ việc trên. Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty L3 hoàn trả cho nguyên đơn khoản thù lao dịch vụ mà nguyên đơn đã thanh toán cho Công ty L3 theo Hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HDDV là 619.935.000 đồng.

2. Buộc Công ty L3 hoàn trả cho nguyên đơn Khoản phí quản lý Dự án mà Công ty L3 đang giữ là 1.341.300.000 đồng.

3. Buộc Công ty L3 thanh toán cho nguyên đơn lãi chậm trả của Khoản thù lao dịch vụ mà Công ty L3 phải hoàn trả cho nguyên đơn theo Hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HDDV, tạm tính từ ngày 15/06/2024 đến ngày 15/11/2024 là 25.986.316 đồng.

4. Buộc Công ty L3 thanh toán cho nguyên đơn lãi chậm trả của Khoản phí quản lý Dự án mà Công ty L3 đang giữ, tạm tính từ ngày 15/07/2024 đến ngày 15/11/2024 là 45.199.973 đồng.

Mức lãi suất chậm trả 10%/năm, được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tổng cộng số tiền mà Công ty L3 phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày 15/11/2024 là: 2.032.421.289 đồng (Hai tỷ không trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi một nghìn, hai trăm tám mươi chín đồng).

Bị đơn Công ty L3 có người đại diện hợp pháp trình bày:

Nguyên đơn cho rằng Công ty đã vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ mà hai bên đã thỏa thuận làm ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ. Đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015, Công ty đã thực hiện nghĩa vụ một cách đúng thời hạn và đầy đủ theo thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ với nguyên đơn.

Việc nguyên đơn cho rằng Dự án EB-5 Lake Point giai đoạn II đã được bán cho đơn vị khác đồng nghĩa với việc hồ sơ xin thường trú nhân tại Hoa Kỳ thông qua đầu tư vào Dự án EB-5 Lake Point giai đoạn II của nguyên đơn không thể thực hiện không phải sự vi phạm thỏa thuận của Công ty đối với nguyên đơn theo thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ cũng như quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hành vi đơn phương chấm dứt Hợp đồng dịch vụ của nguyên đơn: Theo trình bày của nguyên đơn thì vào “Ngày 03 tháng 02 năm 2023, Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ đã gửi quyết định từ chối hồ sơ nhập cư của tôi. Ngày 23 tháng 02 năm 2024 tôi đã nộp đơn khiếu nại quyết định trên...”. Ngày 23 tháng 02 năm 2024 nguyên đơn đã nộp đơn khiếu nại quyết định của Sở D2 về việc từ chối hồ sơ nhập cư của nguyên đơn. Như vậy, tính đến thời điểm ngày 23 tháng 02 năm 2024, thì Hợp đồng dịch vụ giữa nguyên đơn và Công ty V1 đang được thực hiện và nguyên đơn không hề thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty đối với dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nguyên đơn khi nộp đơn khiếu nại quyết định của Sở D2.

Nguyên đơn nhận được thông tin Dự án EB-5 Lake Point giai đoạn II đã được bán cho đơn vị khác do đó “các nhà đầu tư không thể tiếp tục thực hiện việc đầu tư, đồng nghĩa với việc hồ sơ xin thường trú tại Hoa Kỳ thông qua đầu tư vào dự án EB-5 Lake Point giai đoạn II của tôi không thể thực hiện”. Do vậy, nguyên đơn đã đề nghị Công ty tiến hành làm việc và thanh lý Hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HĐDV, trong khi Hợp đồng dịch vụ vẫn đang được thực hiện thì nguyên đơn yêu cầu thanh lý hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HĐDV trong khi Công ty không hề có bất kỳ vi phạm thỏa thuận được ký kết.

Ngoài ra, nguyên đơn liên tục có các thư điện tử gửi đến Công ty và yêu cầu hủy đơn của nguyên đơn về việc khiếu nại quyết định của Sở D2 thì nguyên đơn đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng dịch vụ và Công ty không thể tiếp tục

thực hiện Hợp đồng dịch vụ nhằm hỗ trợ nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Lệ U - là vợ của nguyên đơn và ông Dương Duy N - là con của nguyên đơn có thể được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ cấp thị thực định cư có điều kiện tại Hoa Kỳ.

Yêu cầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng dịch vụ với Công ty của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận tại Điều 11.3 của Hợp đồng dịch vụ. Tuy nhiên, theo thỏa thuận tại Điều 7.5 của Hợp đồng dịch vụ thì các khoản thù lao đã thanh toán sẽ không được hoàn lại cho nguyên đơn trong trường hợp nguyên đơn đơn phương chấm dứt Hợp đồng dịch vụ sau khi Hợp đồng dịch vụ đã được ký kết. Ngoài ra, cũng theo thỏa thuận tại Điều 11.3 của Hợp đồng dịch vụ và quy định tại khoản 1 Điều 520 Bộ luật Dân sự năm 2015, trong trường hợp nguyên đơn yêu cầu Công ty chấm dứt việc cung cấp dịch vụ thì nguyên đơn vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản phí không hoàn lại, các khoản phí, chi phí hợp lý khác cho đến ngày chấm dứt Hợp đồng dịch vụ. Như vậy, đối với thù lao mà nguyên đơn đã thanh toán cho Công ty do chính nguyên đơn yêu cầu Công ty chấm dứt việc cung cấp dịch vụ không phải lỗi của Công ty, thù lao mà nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty theo thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ, Điều 54 Luật Luật sư và khoản 1 Điều 520 Bộ luật Dân sự năm 2015 tính đến thời điểm nguyên đơn yêu cầu Công ty L3 chấm dứt việc cung cấp dịch vụ là 619.935.000 đồng (bằng chữ: Sáu trăm mười chín triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng chẵn) sẽ được Công ty nhận theo thỏa thuận tại Điều 7.5 và Điều 11.3 của Hợp đồng dịch vụ cũng như quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 73 Luật Luật sư và khoản 1 Điều 520 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn cho rằng Công ty L3 giữ lại khoản phí quản lý Dự án là 1.341.300.000 đồng trong tài khoản phong tỏa tại Hong Kong của Công ty L3 đến khi nào nguyên đơn nhận được chấp thuận của Sở Di trú và Nhập tịch H thì mới tiến hành chuyển cho dự án. Điều này hoàn toàn không có căn cứ theo Hợp đồng giữa nguyên đơn và Công ty L3

Theo thỏa thuận tại Điều 2 và Điều 4 của Hợp đồng dịch vụ cũng như tư vấn của Công ty L3 thì để được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ cấp thị thực định cư có điều kiện cho nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Lệ U - là vợ của nguyên đơn và ông Dương Như D - là con của nguyên đơn thì nguyên đơn phải đầu tư vào Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II thuộc American V, một Trung tâm Vùng được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ chỉ định và chấp thuận cho đầu tư.

Việc đầu tư vào Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II thuộc American V, một Trung tâm Vùng được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ chỉ định và chấp thuận cho đầu tư được thể hiện dưới dạng thỏa thuận vào ngày 07 tháng 11 năm 2016 giữa nguyên đơn và chủ Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II thuộc American V, một Trung tâm Vùng được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ chỉ định và chấp thuận cho đầu tư.

Phí quản lý Dự án mà nguyên đơn đề cập là một phần của thỏa thuận vào ngày 07 tháng 11 năm 2016 giữa nguyên đơn và chủ Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II thuộc American V, một Trung tâm Vùng được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ chỉ định và chấp thuận cho đầu tư. Do vậy, nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán phí quản lý Dự án khi lập thỏa thuận vào ngày 07 tháng 11 năm 2016 với chủ Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II để được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ xem xét đơn xin nhập cư và cấp thị thực định cư có điều kiện cho nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Lệ U - là vợ của nguyên đơn và ông Dương Như D - là con của nguyên đơn.

Hơn nữa, Công ty L3 không phải là chủ Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II và cũng không phải là một bên của thỏa thuận vào ngày 07 tháng 11 năm 2016 giữa nguyên đơn và chủ Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II thuộc American V, một Trung tâm Vùng được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ chỉ định và chấp thuận cho đầu tư.

Ngoài ra, theo thỏa thuận giữa nguyên đơn và Công ty L3 tại Hợp đồng dịch vụ, thì Công ty L3 không có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn phí quản lý Dự án là 1.341.300.000 đồng.

Theo Công ty L3 được biết, nguyên đơn đã có thỏa thuận giải quyết về việc thoái vốn khỏi Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II với chủ Dự án và đơn vị quản lý, khai thác Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II thuộc American V, một Trung tâm Vùng được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ chỉ định và chấp thuận cho đầu tư, bao gồm thỏa thuận về phí quản lý Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II thuộc American V, một Trung tâm Vùng được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ chỉ định và chấp thuận cho đầu tư mà nguyên đơn yêu cầu trong Đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2024 và Bản tự khai ngày 17 tháng 02 năm 2025. Bởi lý do nguyên đơn đã có thỏa thuận giải quyết về việc thoái vốn khỏi Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II, bao gồm thỏa thuận về phí quản lý, nên Công ty không thể thực hiện thêm bất kỳ nghĩa vụ nào mà Công ty có thể có đối với nguyên đơn theo thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ cũng như quy định tại Điều 413 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Công ty nhận thấy việc kiện cũng không thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định của pháp luật Việt Nam. Do vậy, Công ty không đồng ý việc Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án này. Công ty đề nghị Tòa án xem xét đình chỉ việc giải quyết vụ án và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị Tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng như trình bày của Công ty để việc giải quyết vụ án được đúng quy định tố tụng. Trong trường hợp

triệu tập thêm các Công ty L4, LLC và Công ty A, LLC đề nghị Tòa án xem lại thẩm quyền giải quyết vụ án.

Ngày 22/5/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử Bản án số 106/2026/DS-ST:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Hiền V:

Buộc bị đơn Công ty L3 phải trả cho ông Dương Hiền V phí quản lý dự án 1.341.300.000 (Một tỷ, ba trăm bốn mươi một triệu, ba trăm ngàn) đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền 248.416.110 (Hai trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, một trăm mười) đồng. Tổng cộng 1.589.716.110 (Một tỷ, năm trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, một trăm mười) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Hiền V đối với các yêu cầu sau:

- Buộc Công ty L3 hoàn trả cho nguyên đơn khoản thù lao dịch vụ mà nguyên đơn đã thanh toán cho Công ty L3 theo Hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HDDV là 619.935.000 (Sáu trăm mười chín triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

- Buộc Công ty L3 thanh toán cho nguyên đơn lãi chậm trả của Khoản thù lao dịch vụ mà Công ty L3 phải hoàn trả cho nguyên đơn theo Hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HDDV, tính từ ngày 15/06/2024 đến ngày 22/5/2026 là 119.918.715 (Một trăm mười chín triệu, chín trăm mười tám nghìn, bảy trăm mười lăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và các quy định về thi hành án dân sự, về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/6/2026, Tòa án nhận đơn kháng cáo của Công ty L3 kháng cáo yêu cầu hủy một phần Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thẩm quyền

Ngày 04/6/2026, Tòa án nhận đơn kháng cáo của kháng cáo ông Dương Hiền V yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm vì theo quy định tại Điều 7.5 của Hợp đồng dịch vụ mà hai bên ký kết có quy định trường hợp bị từ chối thị thực thì

được nhận lại phí dịch vụ pháp lý. Ông V chưa đơn phương chấm dứt hợp đồng dịch vụ và cũng không rơi vào các trường hợp mất phí dịch vụ theo thỏa thuận tại Điều 7.5. HLG là chủ thể nhận khoản tiền của ông V có mail nhân viên xác nhận rõ ràng, điều này cũng phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng. Nay ông V bị Sở Di trú từ chối thì HLG phải có nghĩa vụ trả lại cho ông V. HLG trình bày đã chuyển cho chủ đầu tư nhưng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy 60.000 USD nguyên đơn thống nhất với Bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Về Bản án sơ thẩm, bị đơn có ý kiến rút đề nghị chuyển thẩm quyền tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Bản án không thấy ý kiến này. Yêu cầu Tòa án thu thập thỏa thuận đầu tư cũng như thỏa thuận thoái vốn và lịch sử giao dịch thanh toán liên quan đến thỏa thuận giải quyết về việc thoái vốn khỏi Dự án từ Ngân hàng B of America cho nguyên đơn. Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn nộp, bị đơn sao chụp lại không phải là bản chính hay bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan có thẩm quyền cung cấp, xác nhận, vì vậy theo quan điểm của HLG các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 23/2015/NĐ-CP và Điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với các tài liệu chứng cứ bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt theo quy định tại Điều 20 Bộ luật Tố tụng Dân sự về tiếng nói và chữ viết dùng trong Tố tụng Dân sự, khoản 3 Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự về giao nộp tài liệu chứng cứ, Điều 5 Nghị định 23/2015/NĐ-CP về thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực. Do đó, đề nghị Tòa án không công nhận tài liệu nguyên đơn nộp bằng tiếng nước ngoài là chứng cứ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh nhưng trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn không xuất trình được các tài liệu chứng cứ phù hợp.

Theo hợp đồng dịch vụ được ký kết với nguyên đơn thì HLG cung cấp dịch vụ pháp lý và làm tư vấn để cho ông V được đầu tư và cấp thị thực định cư có điều kiện, ngoài ông V còn có bà Nguyễn Thị Lệ U là vợ ông V và Dương Như D là con ông V được Sở Di trú và nhập tịch Hoa Kỳ cấp thị thực định cư. Nay xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng dịch vụ thì bà Nguyễn Thị Lệ U và ông Dương Như D phải tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 4 Điều 468 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà Nguyễn Thị Lệ U đã chết, con ruột bà U với nguyên đơn là Dương Nguyễn Thu N1 có đơn yêu cầu tham gia tố tụng. Tuy nhiên đến phiên tòa sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không có văn bản nào liên quan đến việc chấp nhận hay từ chối đưa bà N1 vào tham gia tố tụng. Bà N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà U, không có bất kỳ tài liệu nào thể hiện quan hệ tài chính độc lập giữa nguyên đơn và bà U, nên cần phải đưa bà N1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

HLG không phải là một bên của thỏa thuận thoái vốn giữa nguyên đơn và chủ dự án và đơn vị quản lý khai thác dự án. Công ty L4, LLC chính chủ sở hữu dự án và Công ty A, LLC là Công ty quản lý dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II thuộc American V, một trung tâm Vùng được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ chỉ định và chấp thuận cho đầu tư mà nguyên đơn đầu tư trên thực tế để nguyên đơn và gia đình có thể được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ cấp thị thực định cư có điều kiện tại Hoa Kỳ. Cần phải đưa hai công ty này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với khoản phí quản lý Dự án là 1.341.300.000 đồng, nguyên đơn cho rằng HLG giữ lại trong tài khoản phong tỏa tại Hong Kong của HLG đến khi nào nguyên đơn nhận được chấp thuận của Sở Di trú và nhập tịch Hoa Kỳ thì mới tiến hành chuyển cho Dự án là không có căn cứ theo hợp đồng giữa nguyên đơn và HLG. Phí quản lý Dự án là một phần của thỏa thuận ngày 7/11/2016 giữa nguyên đơn và chủ Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II thuộc American V, một trung tâm Vùng được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ chỉ định và chấp thuận cho đầu tư. Do vậy, nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán phí quản lý Dự án khi lập thỏa thuận ngày 07/11/2016 với chủ khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II để được Sở Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ xem xét đơn xin nhập cư và cấp thị thực định cư có điều kiện cho nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Lệ U và ông Dương Như D. HLG không phải là chủ Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II và cũng không phải là một bên của thỏa thuận ngày 07/11/2016. Ngoài ra, theo hợp đồng dịch vụ thì HLG không có nghĩa vụ hoàn trả phí quản lý Dự án cho nguyên đơn. Do đó, HLG không đồng ý với yêu cầu hoàn trả cho nguyên đơn khoản phí quản lý Dự án là 1.341.300.000 đồng và khoản lãi chậm trả tính từ ngày 15/6/2024 đến ngày 22/5/2026 là 248.416.110 đồng.

Nguyên đơn đã có thỏa thuận giải quyết về việc thoái vốn khỏi Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II bao gồm thỏa thuận về phí quản lý nên HLG không thể thực hiện thêm bất kỳ nghĩa vụ nào mà HLG có thể có đối với nguyên đơn theo thỏa thuận tại hợp đồng dịch vụ cũng như quy định tại Điều 413 Bộ luật Dân sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đúng thành phần và chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của ông V và Công ty L3, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận giữa các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 01/6/2026 và ngày 04/6/2026, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của Công ty L3 và ông Dương Hiển V là còn trong hạn luật định nên chấp nhận. Đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét Hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HĐDV ngày 10/10/2016 có nội dung chính Công ty L3 cung cấp dịch vụ pháp lý và làm tư vấn pháp lý cho khách hàng là ông Dương Hiển V trong Chương trình EB-5, đầu tư vào Dự án khai thác đá xây dựng EB-5 Lake Point giai đoạn II được USCIS chấp thuận cho đầu tư có thể được cấp thị thực định cư có điều kiện cho đương đơn, vợ/chồng và con cái; hợp đồng ghi nhận các điều khoản về định nghĩa từ ngữ, nội dung đầu tư, nghĩa vụ của hai bên, khoản tiền đầu tư phải trả, các khoản phí liên quan đến hồ sơ, thời hạn thanh toán phí, thời hạn và chấm dứt hợp đồng, và các điều khoản chung. Về nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với Giấy đăng ký hoạt động Công ty Luật TNHH 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam của Công ty L3 về lĩnh vực hành nghề trong đó có tư vấn pháp luật quốc tế về đầu tư, định cư... Vì vậy, căn cứ Điều 513, Điều 514, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật.

Theo hợp đồng, phí thù lao dịch vụ mà ông V phải thanh toán tổng cộng 826.580.000 đồng, thanh toán làm 3 giai đoạn. Ông V đã thanh toán cho Công ty L3 619.935.000 đồng. Khoản tiền đầu tư phải trả là 500.000 USD, các khoản phí liên quan đến hồ sơ trong đó có phí quản lý Dự án 60.000 USD và một số phí, lệ phí khác. Ông V đã chuyển cho Công ty L3 toàn bộ số tiền đầu tư và các khoản phí liên quan 12.881.286.325 đồng (tương đương với 576.215 USD) theo yêu cầu của Công ty L3

[2.2]. Đối với yêu cầu nhận lại khoản thù lao dịch vụ là 619.935.000 đồng. Căn cứ Điều 7.5 của hợp đồng: *“Các khoản Thù lao Dịch vụ đã thanh toán sẽ không được hoàn lại trong các trường hợp sau: a) ...; b) Hồ sơ bị USCIS từ chối vì các lý do xuất phát từ phía Khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn ở các lý do sau: ...”*. Trường hợp này hồ sơ của ông V bị USCIS từ chối với lý do liên quan đến SOF và POF (nguồn tiền và/hoặc khả năng tài chính hợp lệ) và lý do này thuộc về phía ông V, không phải lỗi của Công ty L3 LTD. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa các bên, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn lại phí thù lao dịch vụ 619.935.000 đồng không được chấp nhận. Đồng thời yêu cầu tiền lãi do chậm hoàn trả khoản tiền này cũng không được chấp nhận.

[2.3]. Đối với yêu cầu buộc Công ty L3 hoàn trả cho nguyên đơn khoản phí quản lý Dự án là 1.341.300.000 đồng.

Theo Điều 9 của Hợp đồng, ông V phải thanh toán cho Công ty các khoản phí liên quan đến hồ sơ, trong đó có khoản phí quản lý Dự án 60.000 USD (tương đương số tiền 1.341.300.000 đồng như thừa nhận của hai bên), khoản phí này thanh toán ngay sau khi ký hợp đồng và thực tế ông V đã thanh toán xong. Tuy nhiên, hợp đồng không ghi nhận rõ định nghĩa, nội dung các vấn đề liên quan đến phí quản lý ngoài quy định ở Điều 5.5 hợp đồng: *“Nếu Hồ sơ của Khách hàng bị USCIS từ chối, HLG, thay mặt cho Khách hàng, đảm bảo thu hồi khoản tiền đầu tư và phí quản lý Dự án là 560.000 USD (năm trăm sáu mươi ngàn đô la Mỹ) trong vòng sáu mươi (60) ngày làm việc kể từ ngày đơn I-526 bị từ chối”*. Theo thỏa thuận không giới hạn nguyên nhân hồ sơ bị từ chối nên có cơ sở xác định trong mọi trường hợp hồ sơ của ông V bị USCIS từ chối, Công ty thay mặt cho ông V thu hồi khoản tiền đầu tư và phí quản lý Dự án nêu trên. Đối với khoản tiền đầu tư thì ông V đã thỏa thuận với chủ Dự án để thoái vốn nên ông V không có yêu cầu gì về khoản tiền đầu tư, chỉ yêu cầu về phí quản lý Dự án. Tại email của nhân viên công ty katepham@harveylawcorporation gửi cho ông V ngày 04/11/2016 xác nhận: *“Bên em chuyển vào tài khoản của dự án 500.000 đô Mỹ, còn phí quản lý dự án bên em sẽ giữ trong tài khoản phong tỏa của HLG tại Hong Kong đến khi anh nhận được chấp thuận của Bộ D3 thì sẽ chuyển cho dự án”*; bên cạnh đó, công ty gửi cho ông V biên nhận về việc nhận số tiền 500.000 USD, Công ty không đưa ra được chứng cứ đã chuyển số tiền phí quản lý Dự án cho bên thứ ba, cho thấy số tiền phí quản lý Dự án do Công ty đang giữ. Như vậy, căn cứ thỏa thuận tại Điều 5.5 của hợp đồng, cũng như các tài liệu chứng cứ nêu trên, Công ty phải hoàn trả cho ông V số tiền phí quản lý Dự án là 1.341.300.000 đồng.

[2.4]. Đối với yêu cầu buộc Công ty L3 chịu tiền lãi của số tiền 1.341.300.000 đồng, với lãi suất 10%/năm từ ngày 15/07/2024 đến ngày xét xử 22/5/2026 là 248.416.110 đồng.

Xét thấy căn cứ Điều 5.5 thì thời hạn cuối Công ty phải thu hồi cho ông V chi phí quản lý dự án là 60 ngày kể từ ngày 03/02/2023, nhưng Công ty C thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên ông V yêu cầu tính tiền lãi kể từ ngày 15/07/2024 đến ngày xét xử 22/5/2026 với lãi suất 10%/năm là phù hợp với Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận.

Cụ thể, tiền lãi là 1.341.300.000 đồng x 10%/năm x 676 ngày = 248.416.110 đồng.

[2.5]. Bị đơn Công ty L3 có đề nghị triệu tập thêm các Công ty L4, LLC, Công ty A, LLC và ông Nguyễn Như D1 tham gia tố tụng với tư cách là người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà Dương Nguyễn Thu N1, con gái của vợ chồng ông Dương Hiền V và bà Nguyễn Thị Lệ U yêu cầu được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho bà U đã chết do liên quan đến tài sản của bà U. Xét thấy tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn, liên quan đến yêu cầu hoàn trả phí dịch vụ và trả lại các khoản tiền đã chuyển theo hợp đồng, không liên quan trực tiếp đến người được thụ hưởng cũng như các công ty liên quan đến dự án đầu tư tại nước ngoài mà ông V đã đầu tư. Vì vậy, căn cứ khoản 1, 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu triệu tập những người này tham gia tố tụng là không cần thiết.

[2.6]. Đối với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: Nguyên đơn giao nộp nhiều tài liệu tiếng nước ngoài hoặc tài liệu photo không có công chứng, chứng thực nhưng không có giá trị chứng minh; các tài liệu, chứng cứ khác hoặc được công chứng, chứng thực, hoặc phía bị đơn không phản đối, hoặc là thông điệp điện tử, không phải là tài liệu đọc được nên không phải công chứng, chứng thực.

[2.7]. Xét yêu cầu của bị đơn về thu thập thỏa thuận đầu tư cũng như thỏa thuận thoái vốn và lịch sử giao dịch thanh toán liên quan đến thỏa thuận giải quyết về việc thoái vốn khỏi Dự án từ Ngân hàng B of America cho nguyên đơn nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào có liên quan đến các tài liệu chứng cứ mà mình yêu cầu. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo chứng cứ đã thu thập được. Do đó, yêu cầu này không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên cần phải giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 106/2025/DS - ST ngày 22/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Phát biểu của luật sư là có cơ sở một phần nên chấp nhận một phần.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty L3 và ông Dương Hiền V.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 106/2025/DS - ST ngày 25/5/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Hiền V:

Buộc bị đơn Công ty L3 phải trả cho ông Dương Hiền V phí quản lý Dự án là 1.341.300.000 (Một tỷ, ba trăm bốn mươi một triệu, ba trăm ngàn) đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 248.416.110 (Hai trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, một trăm mười) đồng. Tổng cộng 1.589.716.110 (Một tỷ năm trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, một trăm mười) đồng.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Dương Hiền V đối với các yêu cầu sau:

- Buộc Công ty L3 hoàn trả cho nguyên đơn khoản thù lao dịch vụ mà nguyên đơn đã thanh toán cho Công ty L3 theo Hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HĐDV là 619.935.000 (Sáu trăm mười chín triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

- Buộc Công ty L3 thanh toán cho nguyên đơn lãi chậm trả của khoản thù lao dịch vụ mà Công ty L3 phải hoàn trả cho nguyên đơn theo Hợp đồng dịch vụ số VN2016-33-28/HĐDV, tính từ ngày 15/06/2024 đến ngày 22/5/2026 là 119.918.715 (Một trăm mười chín triệu, chín trăm mười tám nghìn, bảy trăm mười lăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty L3 chịu 59.691.483 (Năm mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm tám mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Dương Hiền V được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Dương Hiền V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.324.213 (Ba mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm mười ba) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046874 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty L3 phải chịu được căn trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0036818 ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Dương Hiền V sinh năm 1965 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND TP. HCM;
- TAND Khu vực 1, Tp.HCM;
- THADSTPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bảo Thu